

Ngày soạn: 30/12/2022

Ngày dạy: 16/2/2022

Người dạy: Bùi Hồng Nụ

Lớp dạy: 10c9,10c12

BÀI 6. NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

TRI THỨC NGŨ VĂN

Tiết:.....

MỤC TIÊU CHUNG

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác gia này.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm, bài viết có cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các bằng chứng thuyết phục. Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.
- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử, văn hoá dân tộc.
- Tích hợp với kiến thức các môn học khác để làm sản phẩm stem

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được thời gian, quá trình phát triển, đặc điểm của thời kì văn học trung đại.
- Nhận biết được tác giả văn học trung đại Việt Nam.
- Nhận biết và phân tích được văn bản văn nghị luận trung đại.
- Phân tích được yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- **Năng lực chuyên biệt:** Năng lực đọc hiểu văn bản; Nhận biết được tác giả văn học trung đại Việt Nam. Nhận biết và phân tích được văn bản văn nghị luận trung đại. Phân tích được yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

3. Phẩm chất

- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có những đóng góp lớn lao cho lịch sử, văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi HỘP QUÀ BÍ ẨN:

Câu 1: Văn học trung đại Việt Nam phát triển trong khoảng thời gian nào?

- (X-XIX)

Câu 2: Kể tên một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của nền văn học trung đại Việt Nam?

+ Nguyễn Du – Truyện Kiều

+ Nguyễn Trãi – Côn Sơn ca

+ Nguyễn Khuyến – Bạn đến chơi nhà, Câu cá mùa thu

Câu 3: HỘP QUÀ MAY MẮN

Bạn sẽ nhận được điểm 9 khi đọc thuộc chính xác một khổ hoặc một bài thơ thuộc bộ phận văn học trung đại

Câu 4: Kể tên một số thể loại văn nghị luận Việt Nam thời trung đại mà em biết?

Lấy ví dụ cụ thể.

- Cáo, chiếu, biểu, hịch...

- Hịch tướng sĩ, Chiếu dời đô...

- HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài mới:

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Hoạt động 1: Tri thức ngữ văn**

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập, các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu những hiểu biết của mình về văn học trung đại Việt Nam? (thời gian, các bộ phận, nội dung, nghệ thuật)</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>I. TRI THỨC NGỮ VĂN</p> <p>1. Văn học trung đại Việt Nam</p> <p>- Văn học trung đại Việt Nam hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, trong thời kì phong kiến. Văn học trung đại Việt Nam gồm hai bộ phận: văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm. Văn học trung đại Việt Nam có liên hệ mật thiết với nguồn mạch văn học dân gian; đồng thời tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo tinh hoa của nhiều nền văn học trong khu vực, đặc biệt là văn học cổ điển Trung Hoa.</p> <p>- Văn học trung đại Việt Nam luôn gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, thể hiện rõ tinh thần yêu nước</p>

nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 2**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm văn học trung đại Việt Nam (văn nghị luận) qua phiếu bài tập:

PHIẾU BÀI TẬP		
1. Tác giả	<i>Tác</i>	<i>giả</i>
văn học	<i>văn</i>	<i>học</i>
trung đại	<i>trung</i>	<i>đại</i>
Việt Nam	<i>Việt</i>	<i>Nam</i>
	<i>tiếp</i>	<i>thu</i>
	<i> tinh hoa và</i>	
	<i>chịu ảnh</i>	
	<i> hưởng bởi</i>	
	<i>các hệ tư</i>	
	<i>tưởng nào?</i>	
	Nhiều	tác

và đề cao các giá trị nhân văn, nhân đạo.

Tính quy phạm được xem là đặc trưng nổi bật nhất trong văn học trung đại, theo đó, sáng tác văn học phải tuân theo những quy định chặt chẽ có tính khuôn mẫu, từ quan điểm sáng tác, kiểu tư duy nghệ thuật, hình thức thể loại đến hệ thống thi liệu và các thủ pháp ngôn ngữ... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam và ở sáng tác của nhiều tác giả, một số đặc điểm quy phạm đã bị phá vỡ, thể hiện tính dân tộc và ý thức cá tính trong cả nội dung và hình thức nghệ thuật.

2. Tác giả văn học trung đại Việt Nam

- Nền văn học trung đại Việt Nam được tạo dựng bởi các thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc. Tác giả văn học trung đại Việt Nam hấp thụ tinh hoa văn hoá dân gian của người Việt và tiếp nhận ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo theo xu hướng dân tộc hoá. Nhiều tác giả là anh hùng dân tộc có đóng góp to lớn cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

	giả là anh hùng dân tộc có đóng góp to lớn cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước. <i>Đúng hay sai? Vì sao?</i>		<p>3. Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại</p> <p>- Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại có thành tựu rất phong phú, được viết theo nhiều thể văn khác nhau như hịch, cáo, chiếu, biểu thư, trát, luận thuyết, tỵ, bạt... Văn nghị luận thời trung đại thường có bố cục mang tính quy phạm với các phần đảm nhiệm những chức năng cụ thể, lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố, lập luận chặt chẽ... Trong đó, hịch, cáo, chiếu, thư là những thể văn tiêu biểu nhất.</p> <p>- Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận: Văn nghị luận không chỉ thuyết phục người đọc bằng lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén mà còn bằng các yếu tố biểu cảm. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận thể hiện nhiệt huyết của người viết trong việc bày tỏ và bảo vệ quan điểm. Nhờ các yếu tố biểu cảm như cảm xúc, hình ảnh, giọng điệu, không chỉ chủ kiến của người viết được bộc lộ rõ ràng mà khả năng tác động đến người đọc của văn bản nghị luận cũng được gia tăng.</p>
2. Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại	- Kể tên các thể loại văn nghị luận thời trung đại Việt Nam?		
	Các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận?		

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực

<p>hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. 	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:* Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:* Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:* Kết quả của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Sơ đồ tư duy các kiến thức đã học. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ tư duy của học sinh.

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. 	
---	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: Tìm đọc tác phẩm văn học nghị luận trung đại Việt Nam. - <i>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</i> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bài làm của HS.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	
---	--

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập kiến thức bài vừa học
- Soạn bài “*BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO*”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 6. NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

TÁC GIA NGUYỄN TRÃI

Tiết:

1. Kiến thức

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác gia này.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- **Năng lực chuyên biệt:** Năng lực đọc hiểu văn bản; Năng lực vận dụng được hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, về tác giả và về thể loại vào việc đọc hiểu tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Trãi.

3. Phẩm chất

- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử, văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi CON SỐ MAY MẮN:

Câu 1: Kể tên một số nhà thơ Trung đại Việt Nam mà em biết?

+ Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến

Câu 2: Hai câu thơ sau nằm trong bài thơ nào? Của ai?

“Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai”

+ Côn Sơn Ca – Nguyễn Trãi

Câu 3: Ô MAY MẮN

Bạn sẽ nhận được điểm 9 khi đọc thuộc chính xác một khổ hoặc một bài thơ của tác giả Nguyễn Trãi.

(HS có thể đọc Côn Sơn Ca)

- HS trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt vào bài mới:

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* Hoạt động 1: Tiểu sử

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập, các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục I. Tiểu sử qua phiếu bài tập:		I. TIỂU SỬ 1. Thân thế - <i>Hiệu:</i> Úc Trai - <i>Quê hương:</i> làng Chi Ngại (Hải Dương) sau dời về Nhị Khê (Hà Nội) - <i>Gia đình:</i> + Cha: Nguyễn Phi Khanh đỗ thái học sinh thời Trần + Mẹ: Trần Thị Thái, con quan Tư đồ Trần Nguyên Đán => Truyền thống gia đình: <i>yêu nước, văn hóa,</i>
Tiểu sử		
1.	<i>Năm sinh,</i>	
Thân	<i>năm mất</i>	
thế	<i>Hiệu</i>	
	<i>Quê hương</i>	
	<i>Gia đình</i>	

2.	5 tuổi		<i>văn học</i>
Cuộc đời (qua các dấu mốc quan trọng)	1400		<p>2. Cuộc đời và con người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi mất mẹ khi 5 tuổi, ông ngoại mất khi 10 tuổi. - Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh năm 1400 (20 tuổi). Và cùng cha ra làm quan cho nhà Hồ (quan ngự sử). - Năm 1407, triều Hồ sụp đổ, giặc Minh bắt Nguyễn Phi Khanh đưa về Trung Quốc và giam lỏng Nguyễn Trãi ở thành Đông Quan. - Khoảng 1423, Nguyễn Trãi tìm vào Thanh Hoá, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, theo giúp Lê Lợi, dâng “Bình Ngô Sách”. - Năm 1427, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế và giao cho Nguyễn Trãi viết Bình Ngô đại cáo. - Nguyễn Trãi hăm hở tham gia vào công cuộc xây dựng lại đất nước. Nhưng với tài năng, nhân cách cao cả của mình, Nguyễn Trãi luôn bị bọn gian thần đố kỵ. Ông bị nghi oan, bị bắt rồi lại được tha. Từ đó ông không còn được trọng dụng. - Năm 1437 ông đã cáo quan về Côn Sơn ở ẩn, năm 1440 Lê Thái Tông mời Nguyễn Trãi ra làm quan, 1442 cái chết đột ngột của Lê Thái
	1407		
	1423		
	1427		
	1437		
	1440		
	1442		
	1464		
	1467		
1890			

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.
 - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Tông ở Lê Chi viên là bi kịch đối với Nguyễn Trãi và dòng họ ông bị chu di tam tộc.

=> Đây là bi kịch lớn nhất trong lịch sử dân tộc. Nguyễn Trãi đã rơi đầu dưới lưỡi gươm của triều đình mà ông từng kì vọng. Vụ án Lê Chi Viên thực chất là mâu thuẫn nội bộ của triều đình phong kiến.

- Năm 1464 Lê Thánh Tông minh oan cho Nguyễn Trãi, năm 1467 ban lệnh tìm kiếm, cho khắc in di cáo của ông.

- Năm 1890, Nguyễn Trãi được tổ chức UNESCO vinh danh là “Danh nhân văn hoá thế giới”.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm tìm hiểu mục II. Sự nghiệp sáng tác qua phiếu bài tập:

II. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC

- Nguyễn Trãi đã để lại cho hậu thế một di sản văn hoá quý giá.

1. Nội dung thơ văn

- Thơ văn Nguyễn Trãi phong phú, đa dạng về đề tài, cảm hứng, giàu giá trị tư tưởng và đậm tính trữ tình. Nổi bật trong các tác phẩm của ông là tư tưởng nhân nghĩa, tình yêu thiên nhiên và những ưu tư về thế sự.

- **Tư tưởng nhân nghĩa** có nguồn gốc từ Nho giáo nhưng đã được Nguyễn Trãi tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo. Với Nguyễn Trãi, nhân

Nhóm 1,2	
1. Nội dung thơ ca Nguyễn Trãi	- Điều gì tạo nên giá trị đặc sắc trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi?

	<p>- Nêu biểu hiện của tình yêu thiên nhiên?</p> <p>- Nỗi niềm thế sự được biểu hiện như thế nào?</p> <p>=> Nhận xét về con người tác giả Nguyễn Trãi?</p>	<p>nghĩa trước hết là thương dân; lấy cuộc sống bình yên, no ấm của nhân dân làm mục tiêu cao nhất. Đặc biệt, ông không chỉ thương dân mà còn biết tôn trọng dân, biết ơn dân.</p> <p>- Tư tưởng trung quân: với giấc mơ về một triều đại vua sáng, tôi hiền.</p> <p>- Tình yêu thiên nhiên là nguồn cảm hứng lớn trong thơ văn Nguyễn Trãi (đặc biệt là thơ). Ước Trai thi tập và Quốc âm thi tập chứa đựng cả một thế giới thiên nhiên đa dạng, vừa mỹ lệ vừa bình dị, gần gũi. Có thể tìm thấy trong kho báu thiên nhiên “đầy qua nóc” ấy khung cảnh tráng lệ của cửa biển Bạch Đằng, Vân Đồn, Thần Phù, Vọng Doanh vẻ hùng vĩ, nguyên sơ của Yên Tử, Côn Sơn; chốn thôn quê bình dị, dân dã, thân thuộc với những đất cày ngõ ải, giàu mừng toại, lãnh mừng, bè muông... Tâm hồn Nguyễn Trãi rộng mở, tinh tế, lãng mạn - nâng niu từng vẻ đẹp, từng khoảnh khắc giao hoà cùng thiên nhiên:</p> <p><i>Cây rợp tán che am mát;</i> <i>Hồ thanh nguyệt hiện bóng tròn.</i> <i>Rùa nằm học lẫn nên bày bạn;</i> <i>Ủ ấp cùng ta làm cái con.</i></p> <p>(Ngôn chí, bài 20 – Quốc âm thi tập)</p>
Nhóm 3,4		
2. Đặc điểm nghệ thuật	<p>- Đóng góp quan trọng của Nguyễn Trãi ở từng thể loại: văn chính luận, thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm?</p> <p>- Vị trí của Nguyễn Trãi trong nền văn</p>	

	học trung đại Việt Nam?	<p>- Một đời ôm mối “ưu dân, ái quốc” nên hồn thơ Úc Trai trĩu nặng suy tư trước thế sự đen bạc. <i>Thơ ông có nhiều chiêm nghiệm buồn về nhân tình thế thái</i>; có cả những cay đắng, thất vọng, đau đớn trước một thực tại hỗn độn, bất công, ngang trái:</p> <p><i>Phượng những tiếc cao, điều hã liệt</i> <i>Hoa thì hay héo, cỏ thường tươi.</i> (Tự thuật, bài 9 – Quốc âm thi tập)</p> <p>- Nguyễn Trãi đã đối diện với thực tại ấy bằng tâm thế, tư thế của cây tùng, cây bách: <i>Một mình lạt thuở ba đông</i> (Tùng - Quốc âm thi tập), bằng cốt cách của hoa cúc, hoa sen: <i>Sen nào có bén trong lằm</i> (Thuật hứng, bài 25 - Quốc âm thi tập). Ông lựa chọn quan niệm sống, triết lí sống thanh cao, cứng cỏi, kiêu hãnh và lí tưởng cao cả:</p> <p><i>Chớ cây sang mà ép nề.</i> <i>Lời chǎng phải vuông khôn nghe.</i> (Trần tình, bài 8 – Quốc âm thi tập)</p> <p><i>Trì độc, trì tham, trì bạo ngược</i> <i>Có nhân, có trí, có anh hùng,</i> (Bảo kính cảnh giới, bài 5 – Quốc âm thi tập)</p> <p>2. Đặc điểm nghệ thuật</p> <p>- Thơ văn Nguyễn Trãi kết tinh nhiều thành tựu</p>
--	-------------------------	--

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

nghệ thuật đặc sắc, góp phần quan trọng vào sự phát triển, hoàn thiện một số thể loại văn học trung đại Việt Nam văn chính luận, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm.

- **Văn chính luận của Nguyễn Trãi**, đặc biệt là những thư từ bút chiến văn kiện ngoại giao với nhà Minh luôn đạt đến trình độ mẫu mực. Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách triệt để và sắc sảo các mệnh đề tư tưởng, đạo đức của Nho giáo và chân lí khách quan của đời sống để tạo dựng nên tảng chính nghĩa vững chắc cho những luận điểm lớn được nêu lên. Nhiều văn bản được mở đầu bằng triết lí nhân nghĩa: *“Mưu tính việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, hoàn thành công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu”* (Lai thư trả lời Dương Chính - Quân trung từ mệnh tập) hoặc bằng những quy luật tất yếu *“Tôi nghe: Trời không che riêng ai, đất không cho riêng ai, mặt trời mặt trăng không chiếu riêng ai.”* (Lai thư cho Vương Thông – Quân trung từ mệnh tập).

- Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi còn được tạo nên nhờ khả năng bám sát từng đối tượng và tình hình thời sự, chiến sự; sự kết hợp giữa lí là sắc bén với dẫn chứng xác

đáng; cách lập luận và bố cục chặt chẽ; ngôn ngữ hàm súc, kết hợp nhiều phong cách ngôn ngữ và nhiều phương thức biểu đạt, giọng điệu truyền cảm. Lê Quý Đôn từng ca ngợi Nguyễn Trãi là cây bút viết thư, thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời.

- **Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi** hầu hết được sáng tác bằng các thể thơ Đường luật, đạt tới sự nhuần nhuyễn, điêu luyện; ngôn ngữ cô đúc; nghệ thuật tả cảnh, tả tình tinh tế, tài hoa. Nghệ thuật trữ tình vẫn mang nét trang nhã, hàm súc "ý tại ngôn ngoại" của thơ cổ phương Đông nhưng không theo hướng cầu kì, khuôn thước. Ý tình trong nhiều bài thơ vừa in đậm dấu ấn cá nhân vừa có giá trị tư tưởng sâu sắc (Loạn hậu đảo Còn Sơn cảm tác, Chu trung ngẫu thành, Tự thân, Thanh minh,...). Hình tượng thiên nhiên trong Úc Trai thi tập khi thì phóng khoáng, hùng vĩ, diễm lệ, khi thì thanh sơ, thơ mộng (Thần Phù hải khẩu, Đề Yên Tử sơn Hoa Yên tự, Vân Đồn, Tức hứng, Mộ xuân tức sự, Trại đầu xuân đội,...).

- **Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi** được đánh giá là đỉnh cao của dòng thơ quốc âm (tiếng Việt) thời trung đại. Trong Quốc âm thi tập, ông

dường như đã có ý thức sáng tạo một thể thơ riêng khi đưa câu thơ lục ngôn xen vào bài thơ thất ngôn ở các vị trí đa dạng linh hoạt, đồng thời rất chú ý Việt hoá nhiều đề tài, thi liệu mượn từ văn học Trung Quốc. Ngôn ngữ thơ Nôm giản dị, đậm đà tính dân tộc.
=> Nguyễn Trãi là tác gia lớn của nền văn học trung đại Việt Nam.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																				
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: Hướng dẫn HS làm bài tập trắc nghiệm</p> <p>1. Nguyễn Trãi có hiệu là gì?</p> <p>A. Thanh Hiên</p> <p>B. Úc Trai</p> <p>C. Yên Đỗ</p> <p>D. Bạch Vân</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>B</td> <td>D</td> <td>C</td> <td>B</td> <td>D</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>7</td> <td>8</td> <td>9</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>A</td> <td>C</td> <td>A</td> <td>A</td> <td>D</td> </tr> </tbody> </table>	1	2	3	4	5	B	D	C	B	D	6	7	8	9	10	A	C	A	A	D
1	2	3	4	5																	
B	D	C	B	D																	
6	7	8	9	10																	
A	C	A	A	D																	

2. Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh năm nào?

- A. 1385
- B. 1390
- C. 1395
- D. 1400

3. Nguyễn Trãi cùng cha ra làm quan dưới triều đại nào?

- A. Nhà Lý
- B. Nhà Trần
- C. Nhà Hồ
- D. Nhà Nguyễn

4. Sau khi thoát khỏi sự giam lỏng của giặc Minh, Nguyễn Trãi theo ai tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

- A. Trần Quốc Tuấn
- B. Lê Lợi
- C. Nguyễn Huệ
- D. Cả A, B, C, đều sai

5. Nguyễn Trãi xin về ở ẩn tại Côn Sơn vào năm nào?

- A. 1432

B. 1434

C. 1436

D. 1437

6. Năm 1442, nhân cái chết đột ngột của Lê Thái Tông ở Lệ Chi Viên, bọn gian thần trong triều vu cho Nguyễn Trãi âm mưu giết vua, khép vào tội “*tru di tam tộc*”. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

7. Trong các tác phẩm dưới đây của Nguyễn Trãi, tác phẩm nào thuộc loại văn chính luận?

A. Úc Trai thi tập.

B. Đại cáo bình Ngô

C. Quân trung từ mệnh tập.

D. Cả B, C đều đúng.

8. Nổi bật trong các tác phẩm của Nguyễn Trãi là tư tưởng nhân nghĩa, tình yêu thiên nhiên, những tiên ưu về thế sự?

A. Đúng

B. Sai

9. Tập thơ “Quốc âm thi tập” được viết bằng chữ Nôm. Đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

10. Nhận xét nào sau đúng và đầy đủ nhất về Nguyễn Trãi?

- A. Là một bậc đại anh hùng dân tộc.
- B. Là một nhân vật toàn tài hiếm có.
- C. Là người đã được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới
- D. Cả A, B, C đều đúng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.*
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS: Tìm đọc thơ văn Nguyễn Trãi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Bài làm của HS.</p>

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

- Ôn tập kiến thức bài vừa học
- Soạn bài “BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 6. NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

(Đại cáo bình Ngô)

Tiết:.....

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác gia này.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- **Năng lực chuyên biệt:**
 - + Năng lực thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung bài học.
 - + Năng lực đọc – hiểu tác phẩm chính luận viết bằng thể văn biền ngẫu - đặc trưng thể cáo.
 - + Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử, văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: tổ chức trò chơi “MẢNH GHÉP BÍ MẬT”

Câu hỏi 1: Tác giả Nguyễn Trãi lấy tên hiệu là:

- Úc Trai

Câu hỏi 2: Năm sinh, năm mất của Nguyễn Trãi?

- 1380 - 1442

Câu hỏi 3: Vị Vua nào xuống chiếu ân xá cho Nguyễn Trãi?

- Lê Thánh Tông

Câu hỏi 4: Năm bao nhiêu Nguyễn Trãi được tổ chức UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới?

- Năm 1980

Câu hỏi 5: Nguyễn Trãi cáo quan về ẩn ở đâu?

- Côn Sơn

Câu hỏi 6: Nguyễn Trãi thừa lệnh vị vua nào viết “Bình ngô đại cáo”?

- Lê Lợi

- HS trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt vào bài mới:

Trong lịch sử VHVN, ba áng thơ văn kiệt xuất được coi là các bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc là: Nam quốc sơn hà (Lí Thường Kiệt), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi) và Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh). Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc ta.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập, các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, HS trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ Hoàn cảnh sáng tác của “Bình ngô đại cáo”?</p> <p>+ Em hiểu gì về nhan đề tác phẩm? Tại sao gọi là “đại cáo”?</p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Cuối tháng 12 năm Đinh Mùi 1427, sau khi chiến tranh kết thúc, Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi viết Đại cáo, trình trọng tuyên bố trước toàn dân: cuộc kháng chiến của nhân dân Đại Việt chống quân Minh xâm lược đã toàn thắng, khẳng định chủ quyền độc lập.</p> <p>2. Thể loại</p>

<p><i>Giặc Ngô là giặc nào? Vì sao tác giả lại gọi chúng như vậy?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Cáo là một thể văn hành chính cổ, có nguồn gốc từ Trung Quốc, do nhà vua hoặc chủ trương ban bố một chủ trương, mệnh lệnh, chính sách... cho dân chúng.</p> <p>- Cáo có thể viết bằng văn vần, văn xuôi, biên văn</p> <p>- Thường có bố cục rõ ràng, ý tứ hùng hồn.</p> <p>- Bình Ngô đại cáo:</p> <p>+ áng “thiên cổ hùng văn”</p> <p>+ được viết theo thể biên văn</p> <p>+ được chép trong nhiều tư liệu</p> <p>3. Ý nghĩa nhan đề</p> <p>- Giải nghĩa:</p> <p>+ Đại cáo: bài cáo lớn</p> <p>→ Dung lượng lớn</p> <p>→ Tính chất trọng đại</p> <p>+ Bình: dẹp yên, bình định, ổn định</p> <p>+ Ngô: giặc Minh</p> <p>=> Nghĩa của nhan đề: Bài cáo lớn ban bố về việc dẹp yên giặc Ngô.</p> <p>4. Bố cục</p> <p>- 5 phần - 5 đoạn:</p> <p>- Đoạn 1: Nêu cao luận đề chính nghĩa</p> <p>- Đoạn 2: Là bản cáo trạng tố cáo tội ác của giặc</p>
--	---

	<p>Minh từ xưa đến nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 3: Kể lại quá trình chinh phạt gian khổ của nghĩa quân Lam Sơn. - Đoạn 4: Các chiến thắng hào hùng của nghĩa quân cùng và sự thất bại thảm hại của giặc. - Đoạn 5: Tuyên bố độc lập, mở ra kỉ nguyên mới cho nước Đại Việt. <p>=> Các phần trong tác phẩm này có mối liên hệ chặt chẽ, logic. Bài Đại cáo viết về vấn đề vạch tội ác của kẻ thù xâm lược, ca ngợi thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.</p>
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

- a) **Mục đích:** HS nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài cáo.
- b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung phần I qua các nhiệm vụ sau:</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 15%;">Nhóm 1</td> <td>Tại sao nói Nguyễn</td> </tr> </table>	Nhóm 1	Tại sao nói Nguyễn	<p>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</p> <p>1. Nêu cao luận đề chính nghĩa</p> <p>a. Tư tưởng nhân nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo quan niệm của đạo Nho: nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí. - Nguyễn Trãi:
Nhóm 1	Tại sao nói Nguyễn		

	Trãi đã chất lọc và phát huy tư tưởng “nhân nghĩa” của đạo Nho?	<ul style="list-style-type: none"> + Chất lọc lấy hạt nhân cơ bản của tư tưởng nhân nghĩa: nhân nghĩa chủ yếu để yên dân. + Đem đến nội dung mới: nhân nghĩa là yên dân trừ bạo.
Nhóm 2	- Chân lí thực tiễn về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt được biểu hiện qua các mặt nào? Nhận xét về giọng điệu của đoạn 1?	<ul style="list-style-type: none"> + Đó là cơ sở để bóc trần luận điệu xảo trá của giặc Minh (phù Trần diệt Hồ giúp Đại Việt). => Khẳng định lập trường chính nghĩa của ta và tính chất phi nghĩa của kẻ thù xâm lược. <p>b. Khẳng định sự độc lập của dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cương vực lãnh thổ: nước Đại Việt ta - núi sông bờ cõi đã chia. - Nền văn hiến: vốn xưng nền văn hiến đã lâu. - Phong tục: phong tục Bắc Nam cũng khác - Lịch sử riêng, chế độ riêng: Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập/ Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương. - Hào kiệt: đời nào cũng có - Các từ ngữ: “từ trước”, “đã lâu”, “vốn xưng”, “đã chia”, “cũng khác” cho thấy sự tồn tại hiển nhiên, vốn có, lâu đời của một nước Đại Việt độc lập, có chủ quyền và văn hiến. - Giọng điệu: trang trọng, hào hùng mang tính chất của một lời tuyên ngôn. <p>c. Lời răn đe quân xâm lược</p>
Nhóm 3	- Tác giả Nguyễn Trãi đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong đoạn “ <i>Vậy nên: ...Chứng có còn ghi?</i> ” Nêu tác dụng?	
Nhóm 4	Tại sao nói ý thức độc lập dân tộc của <i>Đại cáo bình Ngô</i> – Nguyễn Trãi phát triển toàn diện và sâu sắc hơn Nam quốc sơn hà – Lí Thường	

Kiệt?	
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	- Sử dụng phép liệt kê, dẫn ra những kết cục của kẻ chống lại chân lí: <i>thất bại, tiêu vong, bắt sống, giết tươi.</i>
- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.	=> <i>Lời cảnh cáo, răn đe</i> dành thép những kẻ
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	<i>bất nhân bất nghĩa dám xâm phạm lãnh thổ, chủ quyền dân tộc ta đều phải trả giá đắt, đồng thời</i>
- 1 HS đại diện trình bày sản phẩm.	<i>cũng thể hiện niềm tự hào bởi những chiến công của nhân dân Đại Việt.</i>
- GV gọi hs nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.	* <i>So sánh với Nam quốc sơn hà</i> (Lí Thường Kiệt): ý thức độc lập dân tộc của <i>Đại cáo bình Ngô</i> phát triển toàn diện và sâu sắc hơn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Toàn diện, vì:
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	+ Lí Thường Kiệt mới chỉ xác định dân tộc ở hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền.
	+ Nguyễn Trãi đã xác định dân tộc ở nhiều phương diện: lãnh thổ, nền văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử, chế độ, con người.
	- Sâu sắc, vì:
	+ Lí Thường Kiệt căn cứ vào “thiên thư” (sách trời) - yếu tố thần linh chứ không phải thực tiễn lịch sử.
	+ Nguyễn Trãi đã ý thức rõ về văn hiến, truyền thống lịch sử và con người - những yếu tố thực tiễn cơ bản nhất, các hạt nhân xác định dân tộc.

<p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi đã tố cáo những tội ác nào của giặc Minh? Tác giả đứng trên lập trường nào? - Hình ảnh nhân dân Đại Việt dưới ách thống trị của giặc Minh được hình tượng hóa bằng hình ảnh nào? - Những tên giặc Minh tàn bạo được hình tượng hóa bằng hình ảnh nào? - Nghệ thuật viết cáo trạng của tác giả? <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực</p>	<p>2. Đoạn 2: Bản cáo trạng hùng hồn, đẫm máu và nước mắt</p> <p>a. Những âm mưu và tội ác của kẻ thù:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Âm mưu xâm lược quý quyết của giặc Minh: <i>“Vừa rồi: Nhân họ Hồ chính sự phiền hà, Để trong nước lòng dân oán hận. Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa”.</i> + Chữ “nhân”, “thừa cơ” - vạch rõ luận điệu giả nhân giả nghĩa, “mượn gió bẻ măng” của kẻ thù. => Nguyễn Trãi đứng trên lập trường dân tộc. - Tố cáo chủ trương, chính sách cai trị vô nhân đạo, vô cùng hà khắc của kẻ thù: + Tàn sát người vô tội - <i>“Nướng dân đen... tai vạ”.</i> + Bóc lột tàn tệ, dã man: <i>“Nặng thuế... núi”.</i> + Huỷ diệt môi trường sống: <i>“Người bị ép... cây cỏ”.</i> => Nguyễn Trãi đứng trên lập trường nhân bản. <p>b. Hình ảnh nhân dân: tội nghiệp, đáng thương, khôn khổ, điêu linh, bị dồn đuổi đến con đường cùng. Cái chết đọị họ trên rừng, dưới biển: <i>“Nặng nề... canh cử”</i>,...</p> <p>c. Hình ảnh kẻ thù: tàn bạo, vô nhân tính như</p>
---	--

<p>hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>những tên ác quỷ: “<i>Thằng há miệng... chưa chán</i>”.</p> <p>d. Nghệ thuật viết cáo trạng:</p> <p>- Dùng hình tượng để diễn tả tội ác của kẻ thù: “Nướng dân đen ...tai vạ”.</p> <p>+ Đối lập:</p> <table border="0" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 50%;">Hình ảnh người</td> <td style="width: 10%;"></td> <td style="width: 40%;">Kẻ thù</td> </tr> <tr> <td>dân vô tội</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>(bị bóc lột, tàn sát dã man)</td> <td style="font-size: 2em;">><</td> <td>(tàn bạo, vô nhân tính)</td> </tr> </table> <p>+ Phóng đại: “<i>Độc ác thay, trúc Nam Sơn ko ghi hết tội/ Dơ bẩn thay, nước Đông Hải ko rửa sạch mùi</i>”</p> <p style="padding-left: 40px;">Trúc Nam Sơn- tội ác của kẻ thù. Nước Đông Hải - sự nhớ bản của kẻ thù.</p> <p>+ Câu hỏi tu từ: “<i>Lẽ nào...chịu được?</i>”</p> <p style="padding-left: 40px;">⇒ tội ác trời không dung, đất không tha của quân thù.</p> <p>+ Giọng điệu: uất hận trào sôi, cảm thương tha thiết, ghen ngào.</p> <p>3. Đoạn 3: Quá trình chinh phạt gian khổ của nghĩa quân Lam Sơn</p> <p>a. Hình tượng người chủ tướng Lê Lợi</p>	Hình ảnh người		Kẻ thù	dân vô tội			(bị bóc lột, tàn sát dã man)	><	(tàn bạo, vô nhân tính)
Hình ảnh người		Kẻ thù								
dân vô tội										
(bị bóc lột, tàn sát dã man)	><	(tàn bạo, vô nhân tính)								

<p>Nhiệm vụ 3</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức qua các câu hỏi vấn đáp:</p> <p>- Hình tượng Lê Lợi được khắc họa ntn (tìm các chi tiết)? So sánh với hình tượng Trần Quốc Tuấn trong Hịch tướng sĩ?</p>	<p>- Hình tượng chủ tướng Lê Lợi - hình tượng tâm lí, được miêu tả bằng bút pháp chủ yếu: tự sự- trữ tình.</p> <p>+ Cách xưng hô: “ta” - khiêm nhường.</p> <p>+ Nguồn gốc xuất thân: chốn hoang dã nương mình</p> <p>→ bình thường, người anh hùng áo vải.</p> <p>+ Có một nội tâm vận động dữ dội (diễn tả qua hàng loạt các từ miêu tả tâm lí, sự biến động nội tâm con người: <i>ngẫm, căm, đau lòng nhưc óc, ném mật nằm gai, quên ăn vì giận, đần đờ, trần trọc, mộng mị, bần khổ, đăm đăm, cầu hiền, chăm chăm</i>).</p> <p>→ Lòng căm thù giặc sâu sắc: “<i>Ngẫm thù lớn... ko cùng sống</i>”, “<i>Quên ăn vì giận...</i>”</p> <p>→ Ý chí, hoài bão cao cả: ngày đêm vượt gian khó, cầu được nhiều người hiền giúp để hoàn thành sự nghiệp cứu nước: “<i>Đau lòng... đờ hôi</i>”, “<i>Tám lòng cứu nước...phía tả</i>”.</p> <p>→ Hình tượng Lê Lợi và Trần Quốc Tuấn trong Hịch tướng sĩ đều có chung ý thức trách nhiệm cao với đất nước, có ý chí hoài bão cao cả và lòng căm thù giặc sâu sắc.</p> <p>b. Những khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn qua lời bộc bạch của Lê Lợi:</p>
--	--

<p>- Qua những lời bộc bạch của Lê Lợi, em thấy những ngày đầu nghĩa quân Lam Sơn gặp phải những khó khăn gì?</p> <p>- Nhưng sức mạnh nào đã giúp quân ta chiến thắng?</p> <p>- Câu hỏi nâng cao: Từ sớm, Nguyễn Trãi đã đánh giá đúng được nguyên nhân quan trọng nào làm nên thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn</p>	<p>- Quân thù: đang mạnh, tàn bạo, xảo trá.</p> <p>- Quân ta: lực lượng mỏng (<i>Khi Khôi Huyện quân không một đội</i>), thiếu nhân tài (<i>Tuấn kiệt như sao buổi sớm/ Nhân tài như lá mùa thu/ Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần/ Nơi duy ác hiểm người bàn bạc</i>), lương thảo khan hiếm (<i>Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần</i>).</p> <p>c. Sức mạnh giúp ta chiến thắng:</p> <p>- Tấm lòng cứu nước.</p> <p>- Ý chí khắc phục gian nan.</p> <p>- Sức mạnh đoàn kết: “<i>tướng sĩ một lòng phụ tử</i>”, “<i>nhân dân bốn cõi một nhà</i>”.</p> <p>- Sử dụng các chiến lược, chiến thuật linh hoạt: “<i>Thế trận xuất kì...địch nhiều</i>”.</p> <p>- Tư tưởng chính nghĩa: “<i>Dem đại nghĩa...thay cường bạo</i>”.</p> <p>→ Nguyễn Trãi đề cao tính chất nhân dân, tính chất toàn dân, đặc biệt đề cao vai trò của những người dân nghèo, địa vị thấp hèn trong cuộc khởi nghĩa. Đó là tư tưởng lớn, nhân văn, tiến bộ trước ông chưa có và đến tận giữa thế kỉ XIX mới được Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục công khai ca ngợi.</p> <p>4. Các chiến thắng hào hùng của nghĩa quân</p>
---	--

<p>kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 4</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức qua các câu hỏi vấn đáp:</p> <p>- Khí thế và những chiến thắng của quân ta được miêu tả ntn?</p> <p>- Đối lập với khí thế “chẻ tre” hào hùng, sức mạnh vô địch của quân ta, hình ảnh kẻ thù thất bại thảm, nhục nhã ntn?</p>	<p>và sự thất bại thảm hại của giặc</p> <p>- Khí thế của quân ta: hào hùng như sóng trào bão cuốn (“<i>sấm vang chớp giạt</i>”, “<i>trúc chẻ tro bay</i>”, “<i>sạch ko kinh ngạc</i>”, “<i>tan tác chim muông</i>”, “<i>quét sạch lá khô</i>”, “<i>đá núi phải mòn</i>”, “<i>nước sông phải cạn</i>”... các hình ảnh so sánh - phóng đại, tính chất hào hùng).</p> <p>- Khung cảnh chiến trường: ác liệt, dữ dội khiến trời đất như đảo lộn (“<i>sắc phong vân phải đổi</i>”, “<i>ánh nhật nguyệt phải mờ</i>”).</p> <p>- Những chiến thắng của ta: dồn dập, liên tiếp (các câu văn điệp cấu trúc, mang tính chất liệt kê: “<i>Ngày 18.../ Ngày 20.../ Ngày 25.../ Ngày 28...</i>”)</p> <p>- Hình ảnh kẻ thù:</p> <p>+ Tham sống, sợ chết, hèn nhát, thảm hại: <i>Trần Trí, Sơn Thọ- mất vía.</i> <i>Lí An, Phương Chính- nín thở cầu thoát thân.</i> <i>Đô đốc Thôi Tụ- lê gối dâng tờ tạ tội.</i> <i>Thượng thư Hoàng Phúc- trói tay để tự xin hàng.</i> <i>Quân Vân Nam – khiếp vía mà vỡ mật.</i> <i>Quân Mộc Thạnh – xéo lên nhau chạy để thoát thân.</i> <i>Mã Kì, Phương Chính- hồn bay phách lạc.</i></p>
--	--

<p>- Phân tích tính chất hùng tráng của đoạn văn được gọi lên từ ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu câu văn?</p> <p>- Chủ trương hòa bình, nhân đạo của Lê Lợi- Nguyễn Trãi được thể hiện ntn ở phần 3 này?</p> <p>- Hành động đó làm sáng tỏ tư tưởng cốt lõi nào đã nêu ở đầu bài cáo?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận,</p>	<p><i>Vương Thông, Mã Anh – tim đập chân run...</i></p> <p>+ Thất bại của kẻ thù: thê thảm nhục nhã “<i>trí cùng lực kiệt</i>”, “<i>máu chảy thành sông</i>”, “<i>thây chát đầy đường</i>”, “<i>máu chảy trôi chày</i>”, “<i>thây chát thành núi</i>”,...</p> <p>+ Cách gọi, cách miêu tả kẻ thù đầy khinh bỉ, mỉa mai: <i>thằng nhãi con Tuyên Đức; đồ nhút nhát Thạnh, Thăng; tướng giặc bị cầm tù- hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng; Mã Kì, Phương Chính...ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc; Vương Thông, Mã Anh... về đến nước mà vẫn tim đập chân run;</i>...</p> <p>* Chủ trương hòa bình, nhân đạo:</p> <p>- Tha tội chết cho quân giặc đầu hàng.</p> <p>- Cấp ngựa, cấp thuyền, lương ăn cho quân bại trận</p> <p>+ Đức hiếu sinh, lòng nhân đạo.</p> <p>+ Tình yêu hòa bình.</p> <p>+ Sách lược để tính kế lâu dài, bền vững cho non sông.</p> <p>+ Tư tưởng nhân nghĩa- yên dân - trừ bạo.</p> <p>* Tính chất hùng tráng của đoạn văn:</p> <p>- Ngôn ngữ:</p> <p>+ Sử dụng nhiều động từ mạnh liên kết với nhau tạo những chuyên rung dồn dập, dữ dội: <i>hồn bay</i></p>
--	---

<p>thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 5</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>phách lạc, tim đập chân run, trút sạch, phá toang,...</p> <p>+ Các tính từ chỉ mức độ cực điểm: thây chất đầy đường, máu trôi đỏ nước, đầm đìa máu đen, khiếp vía vỡ mật, sấm vang, chớp giật, trúc chẻ tro bay,...</p> <p>+ Khí thế chiến thắng của ta và sự thất bại thảm hại của kẻ thù.</p> <p>- Hình ảnh:</p> <p>+ Có tính chất phóng đại.</p> <p>+ Nhiều tên người, tên đất, tên chiến thắng được liệt kê liên tiếp nối nhau xuất hiện trong thể tương phản</p> <p>+ thế thắng đang lên của ta đối lập với sự thất bại ngày càng nhiều, càng lớn của kẻ thù.</p> <p>- Nhịp điệu câu văn:</p> <p>+ Khi dài, khi ngắn biến hóa linh hoạt.</p> <p>+ Dồn dập, sáng khoái, bay bổng, hào hùng như sóng trào bão cuốn.</p> <p>5. Đoạn 5: Tuyên bố thắng trận, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa và nêu lên bài học lịch sử:</p> <p>- Giọng văn: trang nghiêm, trịnh trọng. Tuyên bố, khẳng định với toàn dân về nền độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước đã được lập lại.</p>
---	---

<p>- Giọng văn ở đoạn này có gì khác với những đoạn trên? Vì sao?</p> <p>- Bài học lịch sử mà Nguyễn Trãi nêu ra qua lời tuyên bố độc lập? ý nghĩa của bài học lịch sử đó đối với chúng ta ngày nay như thế nào?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Bài học lịch sử:</p> <p>+ Sự thay đổi thực chất là sự phục hưng dân tộc là nguyên nhân, là điều kiện để thiết lập sự vững bền: “Xã tắc...sạch làu”.</p> <p>+ Sự kết hợp giữa sức mạnh truyền thống và sức mạnh thời đại làm nên chiến thắng: “<i>Âu ... vậy</i>”.</p> <p>=> Ý nghĩa lâu dài với công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.</p>
---	---

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

- a) **Mục đích:** Tổng kết được giá trị của văn bản.
- b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ 2 của dân tộc ta ở thế kỉ XV:</p> <p>+ Nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, chân lí độc lập dân tộc.</p> <p>+ Tố cáo tội ác của kẻ thù.</p> <p>+ Tái hiện quá trình kháng chiến hào hùng.</p> <p>+ Tuyên bố độc lập, rút ra bài học lịch sử.</p> <p>2. Nghệ thuật:</p> <p>- Kết hợp hài hòa 2 yếu tố: chính luận sắc bén và văn chương trữ tình.</p> <p>- Mang đậm cảm hứng anh hùng ca.</p> <p>=> Là áng “thiên cổ hùng văn”.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về tinh thần độc lập, ý thức về chủ quyền dân tộc được thể hiện trong “<i>Bình Ngô đại cáo</i>”.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Bài viết của HS.</p> <p><i>Tinh thần độc lập dân tộc ý thức chủ quyền dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện rõ nét trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo qua những câu văn hùng hồn về chân lý độc lập dân tộc. Sự tồn tại độc lập có chủ quyền của nước Đại Việt ta từ bao đời nay được tác giả Nguyễn Trãi khẳng định như một chân lý khách quan thông qua 5 yếu tố cơ bản: nền văn hiến, ranh giới lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử các triều đại và công cuộc chống giặc ngoại xâm. Bằng những chứng cứ hùng hồn thuyết phục Nguyễn Trãi đã khẳng định Đại Việt là quốc gia độc lập đó là chân lý không thể chối cãi cùng với các từ ngữ: "từ trước, đã lâu, vốn xưng, đã chia" đã khẳng định sự tồn tại hiển nhiên của Đại Việt. Ngoài ra tác giả còn có thái độ so sánh triều đại của Đại Việt ngang hàng với triều đại phương Bắc nhằm thể hiện ý thức được chủ quyền dân tộc cao độ của tác giả. Những kết cục của kẻ chống lại chân lý: Lưu Cung, Triệu</i></p>



	<i>Tiết, Toa Đô, Ô Mã,... chính là lời cảnh cáo đanh thép của tác giả, đồng thời cũng thể hiện niềm tự hào về những chiến công lịch sử của nhân dân ta.</i>
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS:</p> <p>Liên hệ với những hiểu biết ở phần Kiến thức ngữ văn và văn bản Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp, hãy xác định:</p> <p>a) Ý nghĩa của tác phẩm Đại cáo bình Ngô đối với thời đại Nguyễn Trãi.</p> <p>b) Vì sao Đại cáo bình Ngô được coi là “Bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai” của dân tộc.</p>	<p>- Bài làm của HS.</p> <p>- Gợi ý:</p> <p>a) Ý nghĩa của tác phẩm Đại cáo bình Ngô đối với thời đại Nguyễn Trãi:</p> <p>- Sau khi quân ta đại thắng, tiêu diệt và làm tan rã 15 vạn viện binh của giặc, Vương Thông buộc phải giảng hòa, rút quân về nước, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết Đại cáo Bình Ngô.</p> <p>- Đại cáo bình Ngô có ý nghĩa trọng đại như một bản tuyên ngôn độc lập, được công bố vào tháng Chạp, năm Đinh Mùi</p>

<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>(tức đầu năm 1428).</p> <p>b) Vì sao Đại cáo bình Ngô được coi là “Bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai” của dân tộc:</p> <p>“Đại cáo bình Ngô” là được viết sau chiến thắng quân Minh. Nội dung của một bản tuyên ngôn độc lập phải bao gồm ba phần: khẳng định dân tộc, tuyên bố thắng lợi, tuyên bố hòa bình.</p> <p>Ta có thể nói “Đại cáo bình Ngô” là một bản nâng cấp của “Nam quốc sơn hà” làm hoàn thiện hơn bản tuyên ngôn độc lập ngắn gọn đầu tiên của nước ta. Nguyễn Trãi đã liệt kê rõ các triều đại Việt Nam trước đó, làm rõ thêm cho chữ “đế” của Lý Thường Kiệt. “Định phận tại thiên thư”, sách trời thì quá xa vời với con người, dù biết trời cao đại diện cho sự đúng đắn và chính trực, tuy nhiên không ai có thể thấy, nhưng bài cáo lại lần nữa làm rõ khi nói “chứng cứ còn ghi”, tức ai nếu tìm hiểu đều sẽ thấy, không phải thứ bí ẩn bị che giấu gì. Tất cả như tăng thêm tính thuyết phục cho người đọc khi đề cập tới tính sở</p>
--	--



	<p>hữu lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>“Đại cáo bình Ngô” đã hóa thực lời hăm dọa đó khi kể tên các chiến công lấy lòng của nhân dân ta trong lịch sử chống và giết giặc. Nhấn mạnh tính chủ quyền cũng như cho mọi người cùng rõ đó không phải là một lời nói suông.</p>
--	---

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập kiến thức bài vừa học
- Soạn bài “*BẢO KÍNH CẢNH GIỚI*” (BÀI 43)



Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 6. NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI

(Gương báu răn mình)

(Bài 43)

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *Bảo kính cảnh giới*.
- Cảm nhận vẻ đẹp độc đáo của bức tranh thiên nhiên ngày hè, vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi với tình yêu thiên nhiên, yêu đời, nặng lòng với nhân dân, đất nước.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- **Năng lực chuyên biệt:**
 - + Năng lực thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung bài học.
 - + Năng lực nhận biết, phân tích được một số yếu tố thơ Đường luật.
 - + Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử, văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi “**HỘP QUÀ MAY MẮN**”, HS tham gia trò chơi để trả lời:

Câu 1: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Những chiếc giỏ xe chở đầy

Em chở mùa hè của tôi đi đâu

- Đáp án: Hoa phượng

Câu 2: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Vườn râm dậy ngân

Đôi con diều sáo lộn nhào tầng không

- Đáp án: tiếng ve

Câu 3: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Tháp Mười đẹp nhất

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ

- Đáp án: bông sen

Câu 4: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Dưới trăng quỳên đã gọi hè

Đầu tường lập lòe đâm bông

- Đáp án: lửa lựu

- HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài mới:

Nguyễn Trãi không chỉ là tác giả của những áng hùng văn “*có sức mạnh bằng mười vạn quân*” (Đại cáo bình Ngô, Quân trung từ mệnh tập) mà còn là tác giả của những bài thơ Nôm chan chứa cảm xúc, tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, nặng lòng với nhân dân, đất nước. Tập thơ Nôm *Quốc âm thi tập* của ông gồm 254 bài, là tập thơ Nôm sớm nhất, bông hoa đầu mùa rực rỡ nhất của thơ Nôm, đánh dấu bước phát triển của văn học chữ Nôm trong văn học trung đại. Tập thơ đó có nhiều phần, trong đó có phần Vô đề (không có tựa đề) nhưng được xếp thành một số mục cho chúng ta thấy rõ bức chân dung tinh thần của Úc Trai. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài thơ bài Bảo kính cảnh giới (*Gương báu răn mình*)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

*** Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập, các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy nêu những hiểu biết của mình về thể loại thơ Đường luật?</p> <p>+ Nêu vị trí, xuất xứ của văn bản?</p> <p>+ Chia bố cục và nêu nội dung chính của các phần?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực</p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Thể loại thơ Nôm Đường luật</p> <p>- Thơ Nôm Đường luật là loại thơ được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XIII.</p> <p>- Thể thơ được sáng tạo dựa trên mô hình của thơ Đường luật, trong đó có nhiều cách tân về đề tài, thi liệu, cảm hứng, bút pháp, ngôn ngữ thơ.</p> <p>- Thơ Nôm Đường luật đã đạt được những thành tựu lớn, góp phần quan trọng vào việc tạo nên diện mạo của nền thơ trung đại Việt Nam.</p> <p>- <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi là một đỉnh cao của thơ Nôm Đường luật, đánh dấu bước khởi đầu đẹp đẽ của nền thơ tiếng Việt thời trung đại.</p> <p>2. Bảo kính cảnh giới</p> <p>a. Vị trí, xuất xứ:</p> <p>- Bảo kính cảnh giới (bài 43) là chùm thơ gồm 61 bài trong tổng số 254 bài của Quốc âm thi tập.</p> <p>- Hầu hết các bài trong chùm thơ này đều mang</p>

<p>hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>nội dung giáo huấn và chứa đựng nhiều trăn trở, suy tư về thế sự. Chùm thơ cũng ghi lại những khoảnh khắc thư nhàn khi tác giả lánh xa chốn quan trường, hoà mình với thiên nhiên và nhịp sống bình dị, bình yên nơi thôn dã.</p> <p>- Chùm thơ Bảo kính cảnh giới không chỉ thể hiện tư tưởng, nhân cách của một bậc lương thân chưa bao giờ nguôi nỗi lo dân, nước mà còn phản chiếu những vẻ đẹp phong phú của một tâm hồn nghệ sĩ.</p> <p>b. Bố cục:</p> <p>- 3 phần:</p> <p>+ Phần 1: câu 1 – Hình ảnh thi nhân</p> <p>+ Phần 2: 5 câu tiếp - Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên, cuộc sống</p> <p>+ Phần 3: câu cuối: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ</p>
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

- a) **Mục đích:** HS nắm được những đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1	II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi: + <i>Em hãy cho biết, hoàn cảnh sống của nhà thơ Nguyễn Trãi được thể hiện qua các từ ngữ nào?</i> + <i>Em cảm nhận được điều gì về tâm thế của nhà thơ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>1. Hình ảnh thi nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi trong những ngày về ở ẩn: + “Ròi”: Là một từ cổ có nghĩa là rảnh rỗi, nhàn hạ + “Ngày trường”: Ngày dài, chỉ khoảng thời gian rảnh rỗi. + Hóng mát: Hoạt động an nhàn, tĩnh tại, thư thái <p>→ Tâm thế an nhàn, thanh thoi của tác giả. Nguyễn Trãi một đời bận rộn, tận tâm vì đất nước, đây là những giây phút hiếm hoi của cuộc đời.</p> <p>2. Vẽ đẹp bức tranh thiên nhiên, cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh: Hòe, tán rợp giương, thạch lưu,
---	---

<p>- GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác giả Nguyễn Trãi.</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh các nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:</p>	<p>hồng liên, chợ cá làng ngư phủ => Hình ảnh đặc trưng của ngày hè.</p> <p>- Màu sắc: Màu lục của lá hòe làm nổi bật màu đỏ của thạch lựu, màu hồng của cánh sen; ánh mặt trời buổi chiều như dát vàng lên những tán hòe xanh => hài hòa, rực rỡ.</p>		
<table border="1"> <tr> <td data-bbox="170 579 326 768">Nhóm 1</td> <td data-bbox="334 579 683 768">Những hình ảnh thiên nhiên được khắc họa trong đoạn thơ trên?</td> </tr> </table>	Nhóm 1	Những hình ảnh thiên nhiên được khắc họa trong đoạn thơ trên?	<p>- Trạng thái:</p> <p>+ Các động từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ đùn đùn: trào ra hết lớp này đến lớp khác ○ phun : tuôn trào mãnh liệt ○ tịn: lan tỏa khắp không gian <p>→ Các động từ mạnh thể hiện sức sống mãnh liệt của cảnh vật</p>
Nhóm 1	Những hình ảnh thiên nhiên được khắc họa trong đoạn thơ trên?		
<table border="1"> <tr> <td data-bbox="170 774 326 963">Nhóm 2</td> <td data-bbox="334 774 683 963">Những màu sắc được miêu tả trong đoạn thơ trên?</td> </tr> </table>	Nhóm 2	Những màu sắc được miêu tả trong đoạn thơ trên?	<p>+ Nhịp thơ: 4/3, 3/4, 4/3</p> <p>→ Cảnh vật rộn ràng.</p>
Nhóm 2	Những màu sắc được miêu tả trong đoạn thơ trên?		
<table border="1"> <tr> <td data-bbox="170 970 326 1285">Nhóm 3</td> <td data-bbox="334 970 683 1285">Trạng thái của thiên nhiên, cuộc sống được thể hiện như thế nào trong đoạn thơ trên?</td> </tr> </table>	Nhóm 3	Trạng thái của thiên nhiên, cuộc sống được thể hiện như thế nào trong đoạn thơ trên?	<p>- Âm thanh:</p> <p>+ Tiếng ve inh ỏi – âm thanh đặc trưng của ngày hè.</p>
Nhóm 3	Trạng thái của thiên nhiên, cuộc sống được thể hiện như thế nào trong đoạn thơ trên?		
<table border="1"> <tr> <td data-bbox="170 1291 326 1543">Nhóm 4</td> <td data-bbox="334 1291 683 1543">Những âm thanh nào của thiên nhiên, cuộc sống được nhắc đến trong đoạn thơ trên?</td> </tr> </table>	Nhóm 4	Những âm thanh nào của thiên nhiên, cuộc sống được nhắc đến trong đoạn thơ trên?	<p>+ Tiếng lao xao của chợ cá: âm thanh đặc trưng của làng chài.</p>
Nhóm 4	Những âm thanh nào của thiên nhiên, cuộc sống được nhắc đến trong đoạn thơ trên?		
<p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>- Thời gian: Cuối ngày, lúc mặt trời sắp lặn, nhưng sự sống dường như không dừng lại.</p> <p>- Nhà thơ sử dụng nhiều cụm động từ thể hiện trạng thái căng tràn của tự nhiên: “tán rợp</p>			

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<p>trương”, “đùn đùn”, “phun thức đỏ”, “tiễn mùi hương” => Có một cái gì thôi thúc từ bên trong, đang ứa căng, đầy sức sống.</p>
<p>- 1 HS đại diện trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.</p>	<p>=> Bức tranh cảnh ngày hè chan hòa ánh sáng, màu sắc và hương thơm.</p>
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>=> Qua bức tranh thiên nhiên sinh động và đầy sức sống, ta thấy được sự giao cảm mạnh mẽ và tinh tế của nhà thơ đối với cảnh vật. Nhà thơ đã đón nhận cảnh vật bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác và cả sự liên tưởng. Tất cả cho thấy tấm lòng yêu thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của Ưc Trai thi sĩ.</p>
<p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>2. Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi</p>
<p>Nhiệm vụ 3</p>	<p>- Tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống:</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>+ Tâm trạng thư thái khi đón nhận cảnh vật thiên nhiên.</p>
<p>- <i>Câu hỏi thảo luận nhóm đôi – trả lời trực tiếp:</i></p>	<p>+ Cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan. Thiên nhiên qua cảm xúc của nhà thơ trở nên sinh động, đáng yêu và tràn đầy nhựa sống.</p>
<p>Tác giả cảm nhận thiên nhiên bằng nhiều giác quan và hết sức tinh tế. Điều đó giúp em hiểu gì về tình cảm với thiên nhiên của tác giả?</p>	<p>- Tấm lòng ưu ái với dân, với nước: + Ước có được chiếc đàn của vua Thuấn để gảy khúc Nam phong, ca ngợi cảnh thái bình. + Mong ước “dân giàu đủ khắp đòi phương”:</p>

<p>Cảnh vật giàu sức sống cho thấy con người đang ở trạng thái tâm lí như thế nào ?</p> <p>Hai câu thơ cuối cho ta hiểu tâm lòng của Nguyễn Trãi đối với người dân như thế nào?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>mong mỏi về cuộc sống an lạc của người dân ở mọi phương trời.</p> <p>+ Tâm thế hướng về cảnh vật nhưng tâm hồn, tình cảm vẫn hướng về người dân lao động</p> <p>+ Câu thơ 6 chữ dồn nén cảm xúc cả bài thơ điểm kết tụ của hồn thơỨc Trai không phải ở thiên nhiên tạo vật mà chính ở cuộc sống con người, ở nhân dân.</p>
--	---

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

- a) **Mục đích:** HS nắm được tổng kết về tác giả Nguyễn Trãi.
- b) **Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1. Nội dung:</p> <p>- Vẽ đẹp bức tranh ngày hè được gọi tả một cách sinh động.</p> <p>- Vẽ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi: yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống và tấm lòng ưu ái với dân, với nước.</p> <p>2. Nghệ thuật:</p> <p>- Hệ thống ngôn từ giản dị, tinh tế, xen lẫn từ Hán và điển tích.</p> <p>- Sử dụng từ láy độc đáo.</p> <p>- Việt hóa thể thơ Đường luật</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS Làm bài tập trắc nghiệm:</p> <p>Câu 1: Bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> nằm trong tập thơ nào ?</p> <p>A. Thơ chữ Hán B. Quốc âm thi tập C. Úc trai thi tập D. Quốc ngữ thi tập</p> <p>Câu 2: Dòng nào nêu <i>không</i> đúng về đẹp tâm hồn nhà thơ qua bài thơ ?</p> <p>A. Tấm lòng thiết tha với cuộc đời B. Tâm hồn yêu thiên nhiên, cảnh vật C. Tấm lòng trăn trở trước thế sự D. Tấm lòng ưu ái với dân với nước</p> <p>Câu 3: Dòng nào <i>không phải</i> là thành công nghệ thuật của bài thơ ?</p> <p>A. Sử dụng từ ngữ giản dị, quen thuộc, giàu sức biểu cảm B. Nhiều điển cố Hán học sâu sắc, hàm súc dư ba C. Hình ảnh trong sáng, hài hòa màu sắc, âm thanh cuộc sống</p>	<p>- Câu trả lời của HS.</p> <p>1. B 2. C 3. B 4. C 5. B</p>

D. Câu thơ thất ngôn xen lục ngôn, từ láy độc đáo.

Câu 4: Cách tác giả dùng các động từ *đùn đùn*, *giương*, *phun* trong bài thơ cho ta cảm nhận gì về cảnh mùa hè ?

- A. Sự nóng nực của mùa hè
- B. Sự tươi mát của thiên nhiên
- C. Sự sống mạnh mẽ của thiên nhiên
- D. Sự nứt nẻ vì nóng của cây cối

Câu 5: Nghĩa của câu thơ *Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng* là gì ?

- A. Muốn đánh một tiếng đàn ở cây đàn của vua Ngu
- B. Nếu có cây đàn của vua Ngu sẽ đàn khúc nhạc cho dân no ấm
- C. Thật là khó để có được cây đàn của vua Ngu
- D. Dễ gì có được âm thanh tiếng đàn như cây đàn của vua Ngu

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố “phá cách” trong Bảo kính cảnh giới, bài 43.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>*Gợi ý:</p> <p>-</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Bài làm của HS.</p> <p><i>Bảo kính cảnh giới, bài 43 của Nguyễn Trãi là một điển hình cho sự cách tân nghệ thuật thời trung đại. Thể thơ Nôm Đường luật ở đây đã có sự khác biệt so với thể Đường luật thông thường. Cụ thể, sự khác biệt, "phá cách" đó nằm ở hai câu thơ: câu đầu và câu cuối của bài thơ. Nếu trong thơ thất ngôn bát cú Đường luật, số tiếng trong mỗi câu đều phải là bảy tiếng thì ở hai câu thơ đầu và cuối của Bảo kính cảnh giới (bài 43) lại chỉ có sáu tiếng. Chính những bài thơ Nôm Đường luật này của Nguyễn Trãi đã đánh dấu bước</i></p>

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	<i>khởi đầu đẹp đẽ của nền thơ tiếng Việt thời trung đại.</i>
---	---

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập kiến thức bài vừa học
- Soạn bài “*DỤC THUYẾT SƠN*”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 6. NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

DỤC THUYẾT SƠN

(Núi Dục Thúy)

- Nguyễn Trãi -

Tiết:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *Dục Thuyết sơn*.
- Cảm nhận vẻ đẹp độc đáo của bức tranh thiên nhiên ngày hè, vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi với tình yêu thiên nhiên, yêu đời, nặng lòng với nhân dân, đất nước.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- **Năng lực chuyên biệt:**
- + Năng lực thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- + Năng lực nhận biết, phân tích được một số yếu tố thơ Đường luật.
- + Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử, văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Kiến thức đời sống, xã hội

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV: cho HS xem video giới thiệu về Dục Thúy sơn và phát biểu cảm nghĩ của em về cảnh đẹp nơi đây.
- HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS nhận xét và chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt vào bài mới:

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

* Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập, các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ Nêu thể thơ?</p> <p>+ Nêu vị trí, xuất xứ của văn bản?</p> <p>+ Chia bố cục?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Thể thơ: Ngũ ngôn luật thi</p> <p>2. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Bài thơ có thể được sáng tác vào thời điểm sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh và trước khi Nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn.</p> <p>- Bài thơ được sưu tầm và xếp vào Úc Trai thi tập.</p> <p>3. Bố cục:</p> <p>- 4 phần: Đề - thực - luận - kết</p>

<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. 	
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản

- a) **Mục đích:** HS nắm được những đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- b) **Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong phiếu bài tập (thời gian 7 phút)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 10%; text-align: center;">Nhóm 1</td> <td style="padding: 5px;"> <ul style="list-style-type: none"> - Khung cảnh Dục Thúy sơn được mở ra với hình ảnh nào? - Chi tiết nào cho thấy Dục Thúy sơn là địa danh quen thuộc của nhà thơ? </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Nhóm</td> <td style="padding: 5px;">- Hình ảnh “liên hoa”</td> </tr> </table>	Nhóm 1	<ul style="list-style-type: none"> - Khung cảnh Dục Thúy sơn được mở ra với hình ảnh nào? - Chi tiết nào cho thấy Dục Thúy sơn là địa danh quen thuộc của nhà thơ? 	Nhóm	- Hình ảnh “liên hoa”	<p>II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN</p> <p>1. Hai câu đề:</p> <p><i>Hải khẩu hữu tiên san;</i> <i>Tiền niên lữ vãng hoàn.</i> <i>(Cửa tiên có non tiên</i> <i>Từng qua lại mấy phen)</i></p> <p>- Khung cảnh: “cửa biển non tiên” - cảnh sông nước hùng vĩ. => Tâm hồn con người rạo rức với những cảm xúc thiêng liêng.</p> <p>- <i>Tiền niên lữ vãng hoàn:</i> năm xưa ta đã nhiều lần qua lại => Địa danh quen thuộc với tác giả.</p> <p>2. Hai câu thực:</p> <p><i>Liên hoa phù thủy thượng;</i></p>
Nhóm 1	<ul style="list-style-type: none"> - Khung cảnh Dục Thúy sơn được mở ra với hình ảnh nào? - Chi tiết nào cho thấy Dục Thúy sơn là địa danh quen thuộc của nhà thơ? 				
Nhóm	- Hình ảnh “liên hoa”				

2	gọi điều gì? - Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong 2 câu thực?	<i>Tiên cảnh trụy trần gian</i> <i>(Cảnh tiên rơi cõi tục</i> <i>Mặt nước nổi hoa sen)</i> - <i>Liên hoa</i> : hình tượng mang dấu ấn thoát tục của Phật giáo.
Nhóm 3	- Khung cảnh tiên giới Dục Thúy sơn tiếp tục được thể hiện qua những hình ảnh nào? - Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong 2 câu luận?	- Phép đối: “rơi cõi tục” – “nổi hoa sen”: Dục Thúy sơn là sáng tạo tuyệt vời của hoá công. => Vẻ đẹp của núi Dục Thúy được hình dung như một đóa hoa sen nổi trên mặt nước biển, giống cảnh tiên rơi xuống trần gian. 3. Hai câu luận <i>Tháp ảnh trâm thanh ngọc</i> <i>Ba quang kính thủy hoàn</i>
Nhóm 4	- Tâm sự Nguyễn Trãi được thể hiện như thế nào qua hai câu kết? - Nỗi buồn của Nguyễn Trãi đã thể hiện tư tưởng nhân bản nào?	<i>(Bóng tháp hình trâm ngọc</i> <i>Gương sông ánh tóc huyền)</i> - Núi Dục Thúy hiện lên với màu xanh, xanh của bóng tháp soi xuống mặt nước và xanh của nước phản chiếu ngọn núi. - Biện pháp tu từ so sánh: “Tháp ảnh – trâm ngọc”. Tác giả còn liên tưởng cảnh núi như một dáng trâm cài đi liền với mái tóc sông biếc như gợi dáng hình của người thiếu nữ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt

→ Những liên tưởng cho thấy sự say mê của con người khi ngắm nhìn thiên nhiên, tâm hồn lãng mạn, tinh tế, tươi trẻ của Nguyễn Trãi.

<p>động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. 	<p>4. Hai câu kết</p> <p><i>Hữu hoài Trương Thiếu Bảo</i> <i>Bi khắc tiểu hoa ban</i> <i>(Nhớ xưa Trương Thiếu Bảo;</i> <i>Bia khắc dấu rêu hoen)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong “Dục Thúy sơn”, Nguyễn Trãi kết bài bằng nỗi “hữu hoài” - hoài niệm quá khứ, hoài cổ quá vãng, nhìn cảnh trước mặt mà nhớ cảnh nhớ người xưa. Điều này khác biệt so với chí khí hào hùng, khát vọng lớn lao hay sự cô đơn trong các bài thơ cùng đề tài. - Nỗi niềm của Nguyễn Trãi gắn với nỗi niềm của sự vận động, hưng vong của tạo hóa. Nguyễn Trãi đang sống trong điểm đầu của một triều đại, lại nhớ đến Trương Hán Siêu – một nhân vật của thời mạt triều Trần. Ông lại nghĩ đến cảnh còn người mất, ngậm ngùi nghĩ đến số phận hữu hạn của con người giữa thiên nhiên vĩnh hằng. <p>=> Nguyễn Trãi buồn, xót xa, ngậm ngùi, nỗi buồn hoài cổ của Nguyễn Trãi là nỗi buồn mang giá trị nhân bản sâu sắc.</p>
---	---

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết

a) Mục đích: HS nắm được tổng kết về tác giả Nguyễn Trãi.

b) Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: HS khái quát nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1. Nội dung:</p> <p>- Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên núi Dục Thúy, vẻ đẹp mỹ lệ, toàn bích.</p> <p>- Thể hiện tâm trạng nổi niềm của tác giả khi nghĩ tới người xưa.</p> <p>2. Nghệ thuật:</p> <p>- Ngôn từ thơ giàu hình ảnh, sức gợi tả</p> <p>- Tác giả sử dụng thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh,...</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một nét đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ Dục Thúy sơn.</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- <i>Câu trả lời của HS.</i></p> <p><i>Nguyễn Trãi là tác gia lớn của dân tộc Việt Nam, ông đã có rất nhiều những tác phẩm nổi tiếng nói về cảnh sông núi và miêu tả về thiên nhiên vô cùng đặc sắc. Bài thơ Dục Thúy sơn đã nói về khung cảnh núi Dục Thúy, một vẻ đẹp hùng vĩ và nó không chỉ để lại cho người đọc những cảm xúc sâu sắc về khung cảnh ấy mà người đọc còn cảm nhận được một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu đất nước của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi đã thành công trong việc mượn thiên nhiên để nói lên cảm xúc của chính mình, những cảm xúc đang đan xen và tạo nên những khoảng khắc riêng đã làm sống động tâm hồn và ý nghĩa mạnh mẽ cho người đọc hôm nay và mai sau. Khi tác giả đang có tâm sự đó là nỗi buồn đối với đất nước, ông đang buồn rầu và những nỗi buồn đó được trải nghiệm trên cảnh thiên nhiên nơi đây, sự diễn tả đó mang những tâm trạng thuần khiết và sự lo lắng về tình trạng nước nhà. Ngắm cảnh từ xa tác giả đang cố nhìn những sự vật hiện tượng bên ngoài mình để có những cái nhìn mới mẻ và đa</i></p>

diết nhất, những hình ảnh đẹp đẽ của thiên nhiên nồng ghệp với tâm trạng đượm buồn cũng để lại cho bài thơ nhiều cảm xúc và tâm sự thời thế. Những hình ảnh mang đậm giá trị sâu sắc qua những bia đá nó đã khắc họa nhiều cảm xúc trong tâm hồn của mỗi con người nó không chỉ để lại cho con người những tình cảm đối với Dục Thúy Sơn mà nó còn nói về tâm sự thời thế của Nguyễn Trãi đối với đất nước đối với dân tộc của mình. Dù có ngắm nhìn cảnh thiên nhiên núi non hùng vĩ và tráng lệ đến đâu thì tâm hồn Nguyễn Trãi vẫn là một tâm hồn tràn ngập tình yêu đất nước, lo lắng cho tình hình thế sự và ông đã viết lên bài thơ Dục Thúy sơn, một bài thơ tả cảnh ngụ tình gửi gắm nỗi, niềm tâm hồn mình đến với người đọc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1	- Bài sưu tầm của HS.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Ví dụ:

<p>- GV yêu cầu HS: Sưu tầm những bài thơ viết về những địa danh của đất nước.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Côn Sơn ca – Nguyễn Trãi</p> <p>Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận</p> <p>Qua đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan</p>
---	---

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn tập kiến thức bài vừa học
- Soạn bài “*THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT*”